

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ NAM ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Nam Định, tháng 02 năm 2017



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Phúc	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 06/12/2016)
Ông Nguyễn Xuân Quyền	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 06/12/2016)
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên
Ông Hoàng Nguyên Thanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Nguyên Thanh	Giám đốc Công ty
Ông Phan Trung Kiên	Phó Giám đốc
Ông Cao Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoa Dung	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Hoàng Nguyên Thanh
Giám đốc

Nam Định, ngày 10 tháng 02 năm 2017



Số: 06/2017/KT-AVI-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10/02/2017 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 32 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong Báo cáo kiểm toán số 05/2016/KT-AVI-TC2 ngày 24/02/2016 về Báo cáo tài năm 2015 của Công ty, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan tới việc Công ty chưa phân bổ giá trị lợi thế thương mại vào chi phí, chưa xác định được mức tổn thất của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản và kỹ thuật xăng dầu Petecland (Gọi tắt là Petecland) để xác định giá trị dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cần thiết phải trích lập. Trong việc lập Báo cáo tài chính 2016, Công ty đã phân bổ giá trị lợi thế thương mại năm 2015 vào chi phí của năm 2016 với số tiền khoảng 2,2 tỷ đồng; đến ngày 31/12/2016 Công ty chưa xác định mức tổn thất để lập dự phòng đối với khoản đầu tư tài chính vào Petecland.

Trong năm 2016, Công ty chưa xây dựng và áp dụng nhất quán chính sách bán hàng và tính giá tồn kho đối với các loại xăng dầu được mua từ nguồn Tổng công ty Dầu Việt Nam (giá mua chưa bao gồm thuế bảo vệ môi trường) và nguồn từ các doanh nghiệp đầu mối khác (giá mua đã bao gồm thuế bảo vệ môi trường) để làm

cơ sở xác định tính hợp lý của việc ghi nhận giá vốn hàng bán, thuế bảo vệ môi trường phải nộp và kết quả kinh doanh trong năm của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới thuyết minh số 4.1 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2016 giá trị các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 4.572.613.710 đồng, theo đó Công ty có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn nêu trên không ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính năm 2016, hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty sẽ khắc phục được vấn đề nêu trên. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan tới vấn đề này.

Như đã nêu tại thuyết minh số 16 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2016 số dư khoản phải trả người bán dài hạn của Công ty với Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP với số tiền 7.440.284.121 đồng. Hiện nay, hai bên đang tiếp tục làm việc để thống nhất thời hạn thanh toán khoản nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày khoản phải trả này trên khoản mục “Phải trả người bán dài hạn” không ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính 2016. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan tới vấn đề này.



Vũ Bình Minh
Phó Tổng giám Đốc
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán 0034-2015-055-1

Tạ Thị Thắm
Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán 3676-2016-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		150.603.146.384	58.684.024.122
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.159.420.585	12.023.733.260
1. Tiền	111		19.159.420.585	12.023.733.260
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.182.195.977	18.782.915.151
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	26.408.661.539	29.991.898.913
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		412.500.000	305.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.807.500.732	2.185.482.532
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(13.446.466.294)	(13.699.466.294)
IV. Hàng tồn kho	140	10	104.786.139.808	21.280.877.703
1. Hàng tồn kho	141		104.786.139.808	22.234.778.922
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(953.901.219)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.475.390.014	6.596.498.008
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.821.783.229	6.275.563.820
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.091.599.735	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	5.562.007.050	320.934.188
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.865.277.770	89.252.074.444
II. Tài sản cố định	220		58.117.008.801	56.331.776.610
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	55.395.474.083	53.490.855.404
- Nguyên giá	222		84.684.453.219	77.144.418.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.288.979.136)	(23.653.563.266)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	2.721.534.718	2.840.921.206
- Nguyên giá	228		3.171.000.000	3.171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(449.465.282)	(330.078.794)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		545.595.446	993.327.742
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	545.595.446	993.327.742
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.528.358.035	3.368.358.035
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	5.000.000.000	6.431.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(2.471.641.965)	(3.062.641.965)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.674.315.488	28.558.612.057
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	31.674.315.488	28.558.612.057
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		243.468.424.154	147.936.098.566

Các Thuyết minh từ trang 09 đến trang số 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

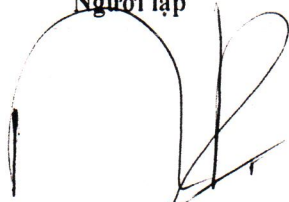
Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	167.242.024.985	73.287.185.046
I. Nợ ngắn hạn	310	155.175.760.094	58.674.927.155
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 16	121.529.731.211	33.981.850.702
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.790.511.372	1.034.605.362
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 18	5.226.298.071	17.908.078.831
4. Phải trả người lao động	314	3.127.532.575	2.942.196.507
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	215.000.000	199.403.400
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	763.050.978	477.698.161
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 17	21.777.200.000	1.546.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	200.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	546.435.887	585.094.192
II. Nợ dài hạn	330	12.066.264.891	14.612.257.891
1. Phải trả người bán dài hạn	331 16	7.440.284.121	8.440.277.121
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 17	4.625.980.770	6.171.980.770
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	76.226.399.169	74.648.913.520
I. Vốn chủ sở hữu	410 19	76.226.399.169	74.648.913.520
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	66.666.660.000	66.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	66.666.660.000	66.666.660.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.311.779.358	4.914.505.663
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.247.959.811	3.067.747.857
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	93.200.667	901.379.380
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	4.154.759.144	2.166.368.477
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	243.468.424.154	147.936.098.566

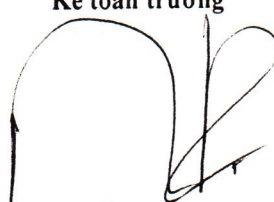
Nam Định, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Người lập



Nguyễn Tuấn Tú

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Tú

Giám đốc



Hoàng Nguyên Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

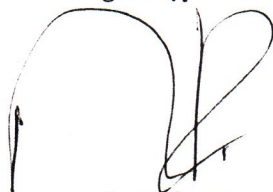
MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016		Năm 2015	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.114.160.824.798		1.296.146.061.267	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	1.000.928.473		2.956.722.216	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	1.113.159.896.325		1.293.189.339.051	
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.057.221.384.723		1.256.414.160.508	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.938.511.602		36.775.178.543	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	34.622.999		249.419.439	
7. Chi phí tài chính	22	24	1.152.726.920		1.849.788.864	
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	1.307.207.042		1.169.745.942	
8. Chi phí bán hàng	25	25	35.700.511.831		30.109.772.362	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	14.784.194.188		7.765.700.475	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.335.701.662		(2.700.663.719)	
11. Thu nhập khác	31	28	706.311.148		6.158.559.079	
12. Chi phí khác	32	29	887.253.666		449.283.552	
13. Lợi nhuận khác	40		(180.942.518)		5.709.275.527	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.154.759.144		3.008.611.808	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-		842.243.331	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.154.759.144		2.166.368.477	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	623		238	

Nam Định, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Người lập



Nguyễn Tuấn Tú

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Tú



Giám đốc
Hoàng Nguyên Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)


Năm 2016

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.154.759.144	3.008.611.808
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.754.802.358	5.463.684.617
- Các khoản dự phòng	03	(1.206.901.219)	(2.093.835.224)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(189.103.121)	(6.287.840.498)
- Chi phí lãi vay	06	1.307.207.042	1.169.745.942
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.820.764.204	1.260.366.645
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.478.953.423)	21.995.309.160
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(82.551.360.886)	23.511.021.967
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	76.892.940.506	(38.565.903.972)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	338.077.160	(2.196.147.014)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.307.207.042)	(1.169.745.942)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(314.362.161)	(667.502.404)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(545.932.000)	(278.815.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.146.033.642)	3.888.583.140
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.698.298.954)	(5.019.700.557)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	7.365.354.545
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	994.480.122	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.622.999	249.419.439
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.669.195.833)	2.595.073.427
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	328.949.569.150	79.509.183.800
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(310.264.369.150)	(81.055.183.800)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.734.283.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16.950.916.800	(1.546.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.135.687.325	4.937.656.567
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.023.733.260	7.086.076.693
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	19.159.420.585	12.023.733.260

Người lập



Nguyễn Tuấn Tú

Kế toán trưởng




Nguyễn Tuấn Tú

Nam Định, ngày 10 tháng 02 năm 2017



Giám đốc



Hoàng Nguyên Thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 30/11/2010 và các lần thay đổi. Mã số doanh nghiệp là 0600759399. Tên giao dịch Quốc tế của Công ty là PETROVIETNAM OIL NAM DINH JOINT STOCK COMPANY viết tắt là PVOIL NAM DINH.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 66.666.660.000 đồng, tương đương 6.666.666 cổ phiếu.

- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV góp 37.833.330.000 đồng bằng tài sản và tiền chiếm 57 % vốn điều lệ.
- Ngân hàng TMCP Đại Dương góp 5.500.000.000 đồng bằng tiền chiếm 8% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Trung Dũng góp 5.000.000.000 đồng bằng tiền chiếm 8% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác góp 18.333.330.000 đồng bằng tiền chiếm 27% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại số 115C ngõ Dầu khí, đường Giải Phóng, phường Trường Thi, TP Nam Định, tỉnh Nam Định.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 195 người (năm 2015 là 196 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại.**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Mua bán, kinh doanh sản phẩm dầu mỏ như: các loại xăng dầu, dầu nhờn, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, hóa chất và các loại chế phẩm dầu mỏ khác;
- Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu;
- Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, Biodiesel);
- Thực hiện các hoạt động liên quan đến các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học;
- Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, máy móc và dịch vụ thương mại;
- Xuất nhập khẩu phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Vận chuyển các sản phẩm dầu khí; Dịch vụ cho thuê xe bồn, bể chứa xăng dầu và kho bãi;
- Mua bán phân bón, các sản phẩm hóa dầu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Hoạt động của bến xe, bãi xe ô tô;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác.
- Dịch vụ kỹ thuật dầu khí: khoan thăm dò dầu khí, địa chất, địa vật lý giếng khoan,...
- Dịch vụ cung ứng nhân lực ngành dầu khí.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh được

Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)***2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam, được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục. Tại ngày 31/12/2016 giá trị các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 4.572.613.710 đồng, Ban giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn nêu trên không ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty, hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty sẽ khắc phục được vấn đề nêu trên.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng..

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)***4.7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: Lợi thế thương mại, lợi thế kinh doanh; khoản trả trước tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định, chi phí đào tạo, quảng cáo... phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động; chi phí mua bảo hiểm; chi phí sửa chữa tài sản cố định; chi phí công cụ, dụng cụ... và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

- Giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định tại thời điểm 31/12/2014 có giá trị 22.421.168.992 đồng được Công ty phân bổ trong 10 năm.
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời gian còn lại của các hợp đồng thuê đất và loại trừ khi xác định chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.
- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định thể hiện số tiền thuê đã trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm của hợp đồng.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn do Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tối đa 3 năm kể từ khi phát sinh.

4.10. Quỹ tiền lương

Công ty đang thực hiện trích quỹ tiền lương theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và các hướng dẫn của Tổng công ty Dầu Việt Nam. Quỹ lương cuối cùng được điều chỉnh theo các quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)***4.12. Dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty thực hiện trích dự phòng phải trả theo Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/06/2016 “Hướng dẫn một số nội dung về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/05/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường”.

4.13. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.17. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc các định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

4.19. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

5. TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	2.760.577.302	882.870.851
Tiền gửi ngân hàng	16.398.843.283	11.140.862.409
Cộng	19.159.420.585	12.023.733.260

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Hà Thành	5.415.732.542	5.086.293.622
Công ty CP Xây dựng Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	4.270.513.122
Công ty TNHH Giải pháp Dầu khí Việt Nam	2.781.403.160	3.935.734.640
Công ty CP Thương mại Phương Hoàng	3.287.903.374	3.287.903.374
Công ty CP Xuất nhập khẩu Gia Bảo	1.815.034.982	1.845.034.982
Công ty TNHH thương mại xăng dầu Toàn Hằng	925.406.600	1.499.757.150
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại 668	650.747.800	951.747.800
Công ty TNHH Hiền Đạt	769.916.797	782.916.797
Công ty CP Thương mại Vận tải Bạch Đằng	163.434.728	353.434.728
Công ty CP Thương mại và Vận tải Trung Dũng	327.610.940	269.254.332
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Thành Đạt	558.848.733	558.848.733
Công ty TNHH TM Tổng hợp Tuyệt Ngà	414.488.919	414.488.919
Khách hàng khác	5.027.619.842	6.735.970.714
Cộng	26.408.661.539	29.991.898.913
Trong đó:		
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (1)</i>	<i>327.610.940</i>	<i>1.626.454.332</i>

(1) Chi tiết xem tại thuyết minh số 32

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ông Vũ Hữu Thuyên (1)	1.104.148.576	1.104.148.576	1.104.148.576	1.104.148.576
Ông Phan Trung Kiên (2)	135.595.552	-	226.595.552	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	150.000.000	-	202.629.000	-
Tạm ứng án phí	69.678.087	-	69.678.087	-
Phải thu các khoản xử lý trách nhiệm bồi hoàn vật chất	78.388.517	-	-	-
Số dư các khoản tạm ứng	269.690.000	-	453.618.000	-
Khác	-	-	128.813.317	-
Cộng	1.807.500.732	1.104.148.576	2.185.482.532	1.104.148.576

(1) Khoản nợ phải thu của Ông Vũ Hữu Thuyên với số tiền là 1.104.148.576 đồng phát sinh do nộp thiếu tiền hàng tại các cửa hàng do Ông Thuyên phụ trách. Ông Thuyên đã bỏ trốn khỏi địa phương từ năm 2015, Công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản phải thu này, đồng thời đang tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi khoản nợ nói trên.

(2) Biên bản họp hội đồng xử lý Công nợ phải thu ngày 30/09/2014 và Quyết định số 1055/QĐ-DKNĐ ngày 30/09/2014, Công ty thống nhất chuyển công nợ khó đòi của Công ty TNHH Vật liệu Xây

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

dụng Thành Đạt đã quá hạn trên 180 ngày sang công nợ cá nhân của ông Phan Trung Kiên - Phó giám đốc Công ty. Ông Kiên có trách nhiệm làm việc với Công ty Thành Đạt, tìm kiếm các biện pháp để thu hồi công nợ cho Công ty. Trong thời gian chưa hoàn trả xong công nợ, Công ty sẽ thu 30% tiền lương hàng tháng của Ông Kiên để bù trừ vào công nợ

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.699.466.294	14.306.385.742
Hoàn nhập dự phòng	253.000.000	606.919.448
Số dư cuối năm	13.446.466.294	13.699.466.294

9. NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Thời gian quá hạn: trên 3 năm</i>				
Công ty CP Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	-	4.270.513.122	-
Công ty CP Thương mại Phượng Hoàng	3.287.903.374	-	3.287.903.374	-
Công ty CP XNK Gia Bảo	1.815.034.982	-	1.845.034.982	-
Vũ Hữu Thuyền	1.104.148.576	-	1.104.148.576	-
Công ty TNHH Hiền Đạt	769.916.797	-	782.916.797	-
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Thành Đạt	558.848.733	-	558.848.733	-
Công ty TNHH TM Tổng hợp Tuyệt Ngà	414.488.919	-	414.488.919	-
Công ty CP TM và dịch vụ Hoàng Gia	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Mạnh Tân	182.564.688	-	202.564.688	-
Công ty CP Thương mại Vận tải Viễn Đông	164.800.000	-	164.800.000	-
Công ty CP thương mại Vận tải Bạch Đằng	163.434.728	-	353.434.728	-
Công ty TNHH Phú Khang	98.257.350	-	98.257.350	-
Nguyễn Đăng Thanh	96.061.939	-	96.061.939	-
Công ty TNHH Trường Đạt	94.638.854	-	94.638.854	-
HTX Cổ phần Vận tải sông biển Sông Ninh	50.547.153	-	50.547.153	-
DNTN Mạnh Cường	44.522.800	-	44.522.800	-
Công ty TNHH Xây dựng Phụ Long	30.784.279	-	30.784.279	-
Cộng	13.446.466.294	-	13.699.466.294	-

Các khoản nợ phải thu khó đòi phát sinh từ PETROMAT chuyển sang tại thời điểm sáp nhập đã được trích lập dự phòng 100%. Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng đã trích lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Xăng RON92-II	35.327.805.549	-	14.201.141.171	(384.523.740)
Xăng E5 RON92-II	891.135.624	-	613.370.287	(58.895.412)
Xăng RON95-II	1.572.604.314	-	1.223.285.844	(32.383.007)
Dầu Diezel 0,05S	64.754.954.134	-	4.255.772.971	(469.001.908)
Dầu FO(Dầu FO No2B)(3%S)	12.344.902	-	12.344.902	(6.535.961)
Dầu FO(Dầu FO No2B)(3.5%S)	8.663.955	-	8.663.955	(2.561.191)
Hàng hóa khác	2.218.631.330	-	1.920.199.792	-
Cộng	104.786.139.808	-	22.234.778.922	(953.901.219)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Ngắn hạn	2.821.783.229	6.275.563.820
Lợi thế thương mại sáp nhập Petromat (1)	-	4.484.233.798
Lợi nhuận định mức trả cho Công ty TNHH 2626 (3)	-	450.000.000
Chi phí thuê cửa hàng xăng dầu	745.336.536,00	540.428.153
Phân bổ công cụ dụng cụ	319.670.441	10.198.750
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.098.376.081	234.622.383
Chi phí khác	658.400.171	556.080.736
2. Dài hạn	31.674.315.488	28.558.612.057
Lợi thế thương mại sáp nhập (1)	17.936.935.192	17.936.935.192
Giá trị lợi thế vị trí địa lý (2)	6.043.807.842	6.296.252.215
Chi phí thuê cửa hàng xăng dầu	4.743.136.372	1.138.818.188
Chi phí sửa chữa, cải tạo TSCĐ	239.526.988	172.061.008
Chi phí thuê tài sản	910.909.094	1.214.545.454
Lợi nhuận định mức trả cho Công ty TNHH 2626 (3)	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	34.496.098.717	34.834.175.877

(1): Giá trị lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định tại thời điểm 31/12/2014 có giá trị 22.421.168.992 đồng được Công ty phân bổ trong 10 năm. Giá trị lợi thế thương mại bao gồm khoản lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec tại thời điểm sáp nhập. Khoản giá trị lợi thế thương mại phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh hàng năm không được trừ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2016, Công ty thực hiện phân bổ lợi thế thương mại của năm 2015 và 2016 vào chi phí với số tiền là 4.484.233.800 đồng

(2): Giá trị lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời gian còn lại của các hợp đồng thuê đất và loại trừ khi xác định chi phí được trừ khi tính thuế TNDN (Chi phí loại trừ khi tính thuế TNDN cho năm 2016 là 252.444.372 đồng).

(3): Khoản lợi nhuận định mức từ năm 2015 đến 2020 trả trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh Cửa hàng Xăng dầu giữa Công ty với Công ty TNHH MTV 2626.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ NAM ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MÃU SỐ B09 - DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2016	62.027.512.467	8.124.306.757	6.937.253.991	55.345.455	77.144.418.670
Tăng trong năm	5.963.854.899	1.679.179.650	-	-	7.643.034.549
Mua trong năm	1.418.900.000	-	-	-	1.418.900.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	4.544.954.899	1.576.179.650	-	-	6.121.134.549
Tăng khác	103.000.000	103.000.000	-	-	103.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	103.000.000
Giảm khác	103.000.000	-	-	-	103.000.000
Tại 31/12/2016	67.888.367.366	9.803.486.407	6.937.253.991	55.345.455	84.684.453.219
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2016	16.381.523.323	3.238.197.138	3.980.342.213	53.500.592	23.653.563.266
Khấu hao trong năm	4.213.655.931	699.167.068	720.748.004	1.844.863	5.635.415.866
Tăng khác	-	107.715.272	-	-	107.715.272
Giảm khác	107.715.268	-	-	-	107.715.268
Tại 31/12/2016	20.487.463.986	4.045.079.478	4.701.090.217	55.345.455	29.288.979.136
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	45.645.989.144	4.886.109.619	2.956.911.778	1.844.863	53.490.855.404
Tại 31/12/2016	47.400.903.380	5.758.406.929	2.236.163.774	-	55.395.474.083

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là: 5.993.079.351 đồng (tại 31/12/2015 là: 5.241.612.343 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định để vay vốn tại ngân hàng tại ngày 31/12/2016 là: 21.106.832.210 đồng (tại 31/12/2015 là: 21.106.832.210 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2016	3.171.000.000	3.171.000.000
Tại 31/12/2016	<u>3.171.000.000</u>	<u>3.171.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2016	330.078.794	330.078.794
Khấu hao trong năm	119.386.488	119.386.488
Tại 31/12/2016	<u>449.465.282</u>	<u>449.465.282</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2016	<u>2.840.921.206</u>	<u>2.840.921.206</u>
Tại 31/12/2016	<u>2.721.534.718</u>	<u>2.721.534.718</u>

Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất tại CHXD Giao Thủy giá trị 2,98 tỷ đồng, thời hạn sử dụng 26 năm và quyền sử dụng đất tại CHXD Nhân Chính giá trị 183 triệu đồng, thời hạn sử dụng 41 năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Cửa hàng xăng dầu Ninh Giang 1	545.595.446	447.732.296
Cửa hàng xăng dầu Ninh Giang 2	-	545.595.446
Cộng	<u>545.595.446</u>	<u>993.327.742</u>

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc Tr.đồng	Dự hợp lý Tr.đồng	Dự phòng Tr.đồng	Giá gốc Tr.đồng	Dự hợp lý Tr.đồng	Dự phòng Tr.đồng
Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (1)	-	-	-	1.431	840	591
Công ty CP Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu Petecland (2)	5.000	2.528	2.472	5.000	2.528	2.472
Cộng	<u>5.000</u>	<u>2.528</u>	<u>2.472</u>	<u>6.431</u>	<u>3.368</u>	<u>3.063</u>

(1) Quyết định số 565/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ban hành ngày 07/06/2016 về việc phê duyệt phương án thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình, số lượng cổ phần bán: 50.000 cổ phần (bán toàn bộ cổ phần đang sở hữu) với giá bán tối thiểu 18.000 đồng/cổ phần, Công ty đã bán với giá 19.890 đồng/cổ phần.

(2) Khoản đầu tư này phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec (PETROMAT) vào Công ty với giá gốc là 5 tỷ đồng (chiếm 13,05% vốn điều lệ của đơn vị nhận đầu tư). Trong việc lập Báo cáo tài chính hàng năm từ khi sáp nhập, Công ty chưa xác định được mức tổn thất đầu tư tài chính vào Petecland để thực hiện việc trích lập/hoàn nhập dự phòng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009. Do Tổng Công ty Dầu Việt Nam đã có Công văn số 4869/DVN-KH ngày 19/08/2016 về việc thoái vốn đầu tư trùng giữa các đơn vị thành viên Petecland và Cà phê Petec

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ NAM ĐỊNH**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)***MẪU SỐ B09 - DN****16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	121.529.731.211	121.529.711.211	33.981.850.702	33.981.850.702
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	105.559.252.582	105.559.252.582	25.811.945.279	25.811.945.279
TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (1)	4.500.000.000	4.500.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH vận tải thủy bộ Hải Hà	9.072.000.000	9.072.000.000	-	-
Các khách hàng khác	2.398.478.629	2.398.458.629	2.169.905.423	2.169.905.423
Dài hạn	7.440.284.121	7.440.284.121	8.440.277.121	8.440.277.121
TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (1)	7.440.284.121	7.440.284.121	8.440.277.121	8.440.277.121
Cộng	121.529.731.211	121.529.711.211	33.981.850.702	33.981.850.702
Trong đó (2)				
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan</i>	<i>111.568.191.093</i>	<i>111.568.191.093</i>	<i>32.042.982.449</i>	<i>32.042.982.449</i>
<i>Phải trả dài hạn các bên liên quan</i>	<i>7.440.284.121</i>	<i>7.440.284.121</i>	<i>8.440.277.121</i>	<i>8.440.277.121</i>

(1) Khoản phải trả Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Nam Định bao gồm tiền mua xăng dầu phải trả phát sinh từ các năm trước chưa thanh toán của Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec. Theo Biên bản làm việc ngày 31/3/2015 giữa Công ty và Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec) thì khoản công nợ này phải được thanh toán hết vào năm 2016, đến thời điểm kiểm toán Công ty đang tiếp tục làm việc để gia hạn thời gian trả nợ với Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec).

(2) Chi tiết xem tại thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ NAM ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay ngắn hạn	20.231.200.000	20.231.200.000		
Ngân hàng TMCPCP Quân đội - CN Nam Định	-	-	308.718.369.150	-
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Nam Định (1)	20.231.200.000	20.231.200.000	273.078.369.150	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Nam Định (2)	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000
Các khoản vay dài hạn	4.625.980.770	4.625.980.770		
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Nam Định (2)	4.625.980.770	4.625.980.770	1.546.000.000	6.171.980.770
Cộng	26.403.180.770	26.403.180.770	310.264.369.150	7.717.980.770

(1): Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số TD1673016/2016-HĐTĐHM/NHCT 380- PV OIL giữa PV OIL Nam Định và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định. Số tiền cam kết cho vay theo hợp đồng là 70.000.000.000 đồng phục vụ cho mục đích kinh doanh xăng dầu, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ.

(2): Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 03/2013-HĐTĐDA/NHCT380-PVOIL Nam Định giữa PV OIL Nam Định và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định. Số tiền cam kết cho vay theo hợp đồng là 19.184.000.000 đồng cho mục đích đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu. Thời hạn cho vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kỳ thanh toán 03 tháng/lần. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất của dự án. Lãi suất được điều chỉnh hàng tháng theo thông báo của Ngân hàng. Lịch trả nợ vay chi tiết của khoản nợ như sau:

	Số tiền
	VND
Trong vòng 1 năm	1.546.480.770
Trong vòng 2 năm	1.546.000.000
Từ 3 đến 5 năm	3.079.500.000
Cộng	6.171.980.770

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong kỳ			31/12/2016
	01/01/2016	Phải nộp	Đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.542.270.947	17.193.828.082	20.269.327.281	466.771.748
Thuế TNDN	180.602.161	-	314.362.161	(133.760.000)
Thuế nhà đất	(320.934.188)	1.181.615.295	995.931.107	(135.250.000)
Thuế TNCN	4.904.573	64.910.000	49.796.700	20.017.873
Thuế bảo vệ môi trường	14.180.301.150	190.721.349.450	205.455.139.200	(553.488.600)
<i>Thuế bảo vệ môi trường - Văn phòng</i>	<i>11.388.778.200</i>	<i>137.336.796.750</i>	<i>154.018.572.000</i>	<i>(5.292.997.050)</i>
<i>Thuế bảo vệ môi trường - Chi nhánh</i>	<i>2.791.522.950</i>	<i>53.384.552.700</i>	<i>51.436.567.200</i>	<i>4.739.508.450</i>
Thuế môn bài	-	33.000.000	33.000.000	-
Cộng	17.587.144.643	209.161.702.827	227.084.556.449	(335.708.979)
Trong đó				
- Số thuế phải nộp	17.908.078.831			5.226.298.071
- Số thuế phải thu	320.934.188			5.562.007.050

Trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2016, Công ty chưa xây dựng và áp dụng nhất quán chính sách bán hàng đối với các loại xăng dầu được mua từ nguồn Tổng công ty Dầu Việt Nam (giá mua chưa bao gồm thuế bảo vệ môi trường) và nguồn từ các đơn vị khác (giá mua đã bao gồm thuế bảo vệ môi trường) để làm cơ sở chắc chắn cho việc ghi nhận các khoản giá vốn hàng bán và thuế bảo vệ môi trường phải nộp.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	66.666.660.000	4.614.045.869	1.706.298.968	72.987.004.837
Lãi trong năm	-	-	2.166.368.477	2.166.368.477
Phân phối lợi nhuận	-	300.459.794	(804.919.588)	(504.459.794)
Tại ngày 01/01/2016	66.666.660.000	4.914.505.663	3.067.747.857	74.648.913.520
Lãi trong năm	-	-	4.154.759.144	4.154.759.144
Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	397.273.695	(2.974.547.190)	(2.577.273.495)
Tại ngày 31/12/2016	66.666.660.000	5.311.779.358	4.247.959.811	76.226.399.169

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 294/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2016, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty như sau: Trích quỹ đầu tư phát triển: 397.273.695 đồng; trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 397.273.695 đồng; trích quỹ thưởng ban điều hành: 180.000.000 đồng và chia cổ tức 1.999.999.800 đồng tương ứng với 3% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn góp tại 31/12/2016	Tỷ lệ góp vốn	Vốn góp tại 01/01/2016	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	37.833.330.000	57	27.000.000.000	41
Ngân hàng TMCP Đại Dương	5.500.000.000	8	5.500.000.000	8
Công ty CP Thương mại Vận tải Trung Dũng	5.000.000.000	8	5.000.000.000	8
Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	-	-	10.833.330.000	16
Các cổ đông khác	18.333.330.000	27	18.333.330.000	27
Cộng	66.666.660.000	100	66.666.660.000	100

c. Số lượng cổ phiếu đã phát hành

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	6.666.666	6.666.666
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.666.666	6.666.666
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.666.666	6.666.666
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.666.666	6.666.666
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.666.666	6.666.666
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang	3.366.035.179	549.903.573
<i>Trong vòng một năm</i>	730.535.179	353.627.680
<i>Trên một năm đến năm năm</i>	1.115.500.000	196.275.893
<i>Trên năm năm</i>	1.520.000.000	-

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động trên thể hiện số tiền Công ty sẽ phải chi trả trong tương lai từ các hợp đồng thuê tài sản không hủy ngang là các cửa hàng xăng dầu, cụ thể:

- Thuê Cửa hàng Xăng dầu Khánh Hòa theo hợp đồng thuê tài sản số 125/DKND/2012/HĐKT ngày 26/04/2012, thời gian thuê là 5 năm, thời hạn còn lại đến 30/04/2017 với số tiền thuê tương ứng 236.027.680 đồng.
- Thuê Cửa hàng Xăng dầu Mai Linh theo hợp đồng thuê tài sản số 192/DKND/2012/HĐKT ngày 12/12/2012, thời gian thuê 05 năm, thời hạn thuê còn lại đến 31/12/2017, số tiền thuê tối thiểu 01 năm là 117.600.000 đồng.
- Thuê Cửa hàng Xăng dầu Yên Phong theo hợp đồng thuê tài sản số 296/DKND/2016/HĐKT ngày 01/06/2016, thời gian thuê 25 năm, thời hạn thuê còn lại đến 31/05/2041, số tiền thuê tối thiểu 01 năm là 80.000.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Thuê Cửa hàng Xăng dầu Nam Vân theo hợp đồng thuê tài sản số 182/DKNĐ/2013/HĐKT ngày 21/06/2013, thời gian thuê 07 năm, thời hạn thuê còn lại đến 21/06/2020, số tiền thuê tối thiểu 01 năm là 240.000.000 đồng.

- Thuê Cửa hàng Xăng dầu Hạ Long theo hợp đồng thuê tài sản số 158/DKNĐ/2013/HĐKT ngày 31/05/2013, thời gian thuê 05 năm, thời hạn thuê còn lại đến 31/05/2018, số tiền thuê tối thiểu 01 năm là 277.200.000 đồng

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xăng RON92-II	397.081.696.000	490.891.667.714
Doanh thu kinh doanh xăng RON95-II	21.094.944.536	7.771.893.868
Doanh thu kinh doanh xăng E5 RON92-II	2.926.544.863	2.857.248.043
Doanh thu kinh doanh dầu DO 0.25S	-	430.070.598.098
Doanh thu kinh doanh dầu DO 0.05S	688.219.515.000	353.568.941.744
Doanh thu kinh doanh dầu FO	-	4.764.933.028
Doanh thu Gas	1.140.215.766	1.182.698.742
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	3.697.908.633	5.038.080.030
Cộng	1.114.160.824.798	1.296.146.061.267
Chiết khấu bán hàng	1.000.928.473	2.956.722.216
Doanh thu thuần	1.113.159.896.325	1.293.189.339.051
Trong đó:		
- Doanh thu với các bên liên quan (1)	80.765.574.644	32.427.725.353

(1) Chi tiết xem tại thuyết minh số 32

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh xăng RON92-II	375.806.161.047	477.801.564.704
Giá vốn kinh doanh xăng RON95-II	20.375.796.250	7.694.685.092
Giá vốn kinh doanh xăng E5 RON92-II	2.673.189.223	2.863.926.170
Giá vốn kinh doanh dầu DO 0.25S	-	421.431.680.486
Giá vốn kinh doanh dầu DO 0.05S	655.492.559.907	339.668.449.056
Giá vốn kinh doanh dầu FO	-	4.324.210.693
Giá vốn Gas	1.105.737.495	1.155.600.577
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	2.721.842.020	2.960.959.506
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá HTK	(953.901.219)	(1.486.915.776)
Cộng	1.057.221.384.723	1.256.414.160.508

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi	34.622.999	41.018.575
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	89.978.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	118.422.864
Cộng	34.622.999	249.419.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.307.207.042	1.169.745.942
Lãi phạt của Tổng công ty Dầu Việt Nam	-	680.042.922
Lỗ sau khi thanh lý cổ phiếu Nhiệt điện Ninh Bình	(154.480.122)	-
Cộng	1.152.726.920	1.849.788.864

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.691.439.140	11.864.131.127
Chi phí vật liệu bao bì	1.034.424.898	1.661.734.103
Chi phí dụng cụ đồ dùng	203.390.272	401.625.856
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.537.356.915	5.240.253.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.526.603.253	3.010.436.648
Chi phí bằng tiền khác	3.707.297.353	7.931.590.761
Cộng	35.700.511.831	30.109.772.362

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.108.560.860	4.527.868.873
Chi phí vật liệu quản lý	313.209.873	379.673.086
Chi phí dụng cụ đồ dùng	24.847.500	177.790.468
Chi phí khấu hao TSCĐ	217.445.443	223.430.751
Thuế, phí và lệ phí	1.214.615.246	513.231.119
Chi phí dự phòng	(173.000.000)	(606.919.448)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.923.659.538	1.102.653.121
Chi phí lợi thế thương mại	4.484.233.798	-
Chi phí bằng tiền khác	1.670.621.930	1.447.972.505
Cộng	14.784.194.188	7.765.700.475

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	18.800.000.000	16.392.000.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.347.634.771	2.041.407.189
Chi phí đồ dùng dụng cụ	228.237.772	579.416.324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.754.802.358	5.463.684.618
Thuế, phí, lệ phí	1.214.615.246	513.231.119
Chi phí dự phòng	(173.000.000)	(606.919.448)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.450.262.791	4.113.089.769
Chi phí lợi thế thương mại	4.484.233.798	-
Chi phí khác bằng tiền	5.377.919.283	9.379.563.266
Cộng	50.484.706.019	37.875.472.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thanh lý tài sản	-	6.038.421.059
Thu từ bồi thường	199.105.876	-
Các khoản khác	507.205.272	120.138.020
Cộng	706.311.148	6.158.559.079

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt thanh toán chậm	111.125.120	-
Các khoản khác	776.128.546	449.283.552
Cộng	887.253.666	449.283.552

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.154.759.144	3.008.611.808
Điều chỉnh cho thuế TNDN	4.622.643.672	819.766.968
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế	4.622.643.672	819.766.968
Thu nhập chịu thuế	9.086.363.060	3.828.378.776
Trừ: Các khoản lỗ được kết chuyển	9.086.363.060	-
Thu nhập tính thuế	-	3.828.378.776
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	842.243.331

(*) Công ty thực hiện kết chuyển lỗ từ hoạt động kinh doanh từ số lỗ phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec theo Phụ lục chuyển lỗ từ hoạt động kinh doanh ngày 04/03/2016. Tổng số lỗ lũy kế được chuyển sang các kỳ tính thuế sau là 33,589 tỷ đồng.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.154.759.144	2.166.368.477
Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, ban điều hành	-	577.273.695
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.154.759.144	1.589.094.782
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.666.666	6.666.666
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	623	238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Các đơn vị	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty mẹ
TCT Thương mại Kỹ Thuật & Đầu tư - CTCP	Công ty con của PV OIL
Công ty Cổ phần dầu nhờn PV OIL	Công ty con của PV OIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Công ty con của PV OIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Công ty con của PV OIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty con của PV OIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty con của PV OIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Công ty con của PV OIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	Công ty con của PV OIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	Công ty con của PV OIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Công ty con của PV OIL
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Trung Dũng	Cổ đồng

Trong năm, Công ty giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng công ty Dầu Việt Nam	819.505.973.510	1.134.854.303.278
Công ty Cổ phần dầu nhờn PV OIL	3.057.046.538	3.054.305.300
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	739.505	48.175.247.226
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	-	5.776.755.318
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	-	5.250.909.091
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	58.562.468	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	363.992.726	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	53.814.131	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	49.858.162	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	9.493.681.091	-
TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	60.029.776.499	1.191.644.918
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	5.179.991.781	4.942.038.554
XN Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ - Tổng công ty Dầu Việt Nam	-	923.386.412
XN Tổng kho Xăng dầu Vũng Áng - Tổng công ty Dầu Việt Nam	-	206.517.438
Cộng	897.793.436.411	1.204.375.107.535
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Trung Dũng	-	13.153.561.418
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	57.720.708.362	3.423.287.199
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	-	435.478.501
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	17.656.099.837	1.875.856.808
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	-	6.271.942.982
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	4.485.181.818	5.780.898.563
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	-	1.486.699.882
Tổng công ty Dầu Việt Nam	1.524.364	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	902.060.263	-
Cộng	80.765.574.644	32.427.725.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Số dư với bên liên quan tại thời điểm báo cáo như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng	327.610.940	1.626.454.332
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Trung Dũng	327.610.940	269.254.332
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	-	1.357.200.000
Phải thu khác	150.000.000	(202.629.000)
Tổng công ty Dầu Việt Nam	150.000.000	(202.629.000)
Phải trả người bán ngắn hạn	111.568.191.093	32.042.982.449
Tổng công ty Dầu Việt Nam	105.559.252.582	25.811.945.279
TCT Thương mại Kỹ Thuật & Đầu tư - CTCP	4.500.000.000	6.000.000.000
XN Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ - Tổng công ty Dầu Việt Nam	41.073.612	11.427.374
XN Tổng kho Xăng dầu Vũng Áng - Tổng công ty Dầu Việt Nam	-	7.789.525
Công ty Cổ phần dầu nhờn PV OIL	641.626.678	211.820.271
CN Tổng công ty TM kỹ thuật và đầu tư- Công ty CP- Xí nghiệp xăng dầu Petec Hải Phòng	265.255.684	-
Công ty CP Xăng dầu dầu khí Thái Bình	571.478	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	8.392.316	-
Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng áng	6.833.992	-
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	545.184.751	-
Phải trả người bán dài hạn	7.440.284.121	8.440.277.121
TCT Thương mại Kỹ Thuật & Đầu tư - CTCP	7.440.284.121	8.440.277.121
Phải trả khác	111.125.120	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam	111.125.120	-
Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	156.000.000	108.000.000
Thù lao	156.000.000	108.000.000
Ban giám đốc	2.408.000.000	1.525.000.000
Lương	2.408.000.000	1.525.000.000
Cộng	2.564.000.000	1.633.000.000

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

	Giá trị ghi số	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.159.420.585	12.023.733.260
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.769.695.977	18.477.915.151
Cộng tài sản tài chính	33.929.116.562	30.501.648.411
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	21.777.200.000	1.546.000.000
Phải trả người bán ngắn, dài hạn	128.970.015.332	33.981.850.702
Chi phí phải trả ngắn hạn	215.000.000	199.403.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	709.375.244	458.426.794
Vay và nợ dài hạn	4.625.980.770	6.171.980.770
Cộng công nợ tài chính	156.297.571.346	42.357.661.666

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro thị trường*Rủi ro tiền tệ*

Công ty không có rủi ro tiền tệ do không có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu phụ thuộc nhiều vào biến động giá cả thế giới và được mua chủ yếu từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam nên Công ty có thể chịu nhiều rủi ro về biến động giá đầu vào. Công ty chưa thể áp dụng các công cụ cần thiết để giảm thiểu các rủi ro này do chưa Việt Nam chưa có thị trường ngoài việc trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31/12/2016, lãi suất của các khoản vay dài hạn được thông báo hàng tháng theo điều chỉnh của Ngân hàng, do đó Công ty không chịu rủi ro lãi suất.

55-
FY
HUU
HAP
ET
TT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành với báo cáo tài chính)

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Tại 01/01/2016			
Vay và nợ ngắn, dài hạn	1.546.000.000	6.171.980.770	7.717.980.770
Phải trả người bán ngắn hạn	33.981.850.702	-	33.981.850.702
Chi phí phải trả ngắn hạn	199.403.400	-	199.403.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	458.426.794	-	458.426.794
Cộng	<u>36.185.680.896</u>	<u>6.171.980.770</u>	<u>42.357.661.666</u>
Tại 31/12/2016			
Vay và nợ ngắn, dài hạn	21.777.200.000	4.625.980.770	26.403.180.770
Phải trả người bán ngắn, dài hạn	121.529.731.211	7.440.284.121	128.970.015.332
Các khoản phải trả, phải nộp khác	709.375.244	-	709.375.244
Cộng	<u>144.231.306.455</u>	<u>12.066.264.891</u>	<u>156.297.571.346</u>

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

34. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐẠI LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu các loại. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh dầu nhớt và gas. Doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu thuần (Năm 2016 là 0,33%) Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số 21 và 22 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 08/02/2017 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 86/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định, theo đó Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch Upcom với các nội dung sau:

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: PND.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 6.666.666 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 66.666.660.000 đồng.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2016 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.


Nam Định, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Người lập

Nguyễn Tuấn Tú

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Tú

Giám đốc

Hoàng Nguyên Thanh

M.S.D.N: 0600759399-C.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ NAM ĐỊNH
TP. NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH